TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 273/2018/HS-ST
Ngày 09-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Long
2. Ông Trần Huỳnh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lê - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 281/2018/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3081/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Thế H; giới tính: nam; sinh ngày 11 tháng 4 năm 1969 tại Kiên Giang; thường trú: A đường GD, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: PBT (chết) và bà: TTH (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2001); tiền án: không; tiền sự: bị công an quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt về hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả, hình thức xử phạt: phạt tiền 3.000.000 đồng (Quyết định xử phạt hành chính số 0031081/QĐ-XPHC ngày 09/7/2015 – BL 44); bị bắt, tạm giam từ ngày: 20/01/2017 (có mặt)

- Người bào chữa:

Bà TTHV - Luật sư của Văn phòng Luật sư TTHV và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa cho bị cáo Phan Thế H (có mặt)

- Bị hại:

Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1984

Thường trú: Thôn A2, VA, VL, Thanh Hóa

Chỗ ở: A3 đường PVC, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông LTL, sinh năm: 1982

Trú tại: A4 đường NNL, Phường K1, Quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bà NTTH, sinh năm: 1987

Trú tại: A4 đường NNL, Phường K1, Quận G1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1987

Trú tại: Ấp A5, xã LU, huyện G2, tỉnh Bình Dương (số mới: Số A6, ấp A7, xã LU, huyện G3, tỉnh Bình Dương) (có mặt)

4. Ông Trần Văn K, sinh năm: 1970

Thường trú: Khu vực A8, phường TQD, thành phố Nh, tỉnh Bình Định

Chỗ ở: A9 đường HTC, Phường M, Quận G3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

■ Ngày 19/01/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Công văn số 647/CV ngày 19/01/2017 của Công an quận Tân Phú về việc chuyển đơn của ông Nguyễn Tiến D tố giác bị cáo Phan Thế H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời tiếp nhận đơn của ông D đề nghị được bảo vệ sức khỏe, tính mạng cho người tố cáo vì cho rằng bị cáo H có mối quan hệ xã hội phức tạp và có sử dụng súng. Ngày 20/01/2017, Cơ quan điều tra tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp đối với Phan Thế H.

■ Quá trình điều tra thể hiện:

Năm 2015, tuy Phan Thế H đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác minh về việc bản thân tham gia đường dây lừa đảo đưa 13 người vào học tại Học viện hàng không – Khoa An ninh soi chiếu mà không phải thi tuyển, chiếm đoạt 144.500 USD vào năm 2014 nhưng vì cần tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, bị cáo H tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Phan Thế H đưa ra thông tin gian dối (quen với nhiều lãnh đạo trong sân bay Tân Sơn Nhất có thể xin việc tại bộ phận an ninh soi chiếu với mức lương cao) làm cho ông LTL và bà NTTH (vợ ông L) tin tưởng. Bên cạnh đó, do năm 2014, bị cáo H từng xin cho ông L vào học tại Học viện hàng không nên được vợ chồng ông L càng tin tưởng bị cáo, bản thân ông L cũng đang nhờ bị cáo H xin việc. Vì vậy, ông L và bà H đã giới thiệu ông Nguyễn Tiến D (đang có nhu cầu xin việc tại sân bay) (bạn gái Dậu là bà H1 làm chung công ty với bà H) cho bị cáo. H đưa ra yêu cầu chi phí xin việc là 25.000 USD.

Để ông D tin tưởng giao tiền, Phan Thế H nhiều lần gặp ông D, có vợ chồng ông L, bà H1 và ông Nguyễn Thanh T (người phụ việc của H), bị cáo H nói dối với ông D là ông L đang làm trong sân bay Tân Sơn Nhất do H xin vào làm, còn ông T là cháu của lãnh đạo sân bay sẽ là người bảo lãnh cho ông D vào

làm việc. Trước Tết năm 2016, Phan Thế H gọi điện cho ông D thông báo: nếu xin việc vào sân bay với vị trí soi chiếu kho hàng hóa thì chạy tiền đưa trước, nếu đưa sớm thì giải quyết nhanh sớm được vào làm, nếu không đưa trước thì người khác sẽ thế chân vào và không còn vị trí công việc đó nữa; ông D nhờ H giữ vị trí đó giúp, ra Tết sẽ lo tiền. Sau khi ăn Tết ở quê vào, ông D gọi điện thoại cho Phan Thế H biết việc ông chỉ vay, mượn được số tiền 460.000.000 đồng nhưng H yêu cầu phải có đủ 25.000 USD nên ông D nhờ bà H1 nói với H giúp. Khi bà H1 năn nỉ H thông cảm giúp vì hoàn cảnh ông D khó khăn thì bị cáo đồng ý.

Ngày 29/02/2016, ông D đến nhà Phan Thế H (địa chỉ: A GD, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) và giao cho H 460.000.000 đồng (có sự chứng kiến của ông L, bà H, bà Hiền và ông T). Sau khi nhận tiền, Phan Thế H viết biên nhận tiền với nội dung: Phan Thế H có nhận của ông Nguyễn Tiến D 460.000.000 đồng là tiền tạm ứng trích thưởng cho H khi H hoàn tất công việc đã thỏa thuận (xin vào sân bay Tân Sơn Nhất); trong thời gian 15 đến 30 ngày sẽ hoàn tất công việc, nếu không xong, H sẽ hoàn đủ lại tiền đã nhận; công việc của D sẽ ổn định sau khi vào làm trên 01 năm. Việc giao nhận tiền này được bà H ghi âm và ghi hình (do ông D nhờ bà H1).

Sau khoảng 30 ngày giao tiền mà không nhận được thông báo đi làm, ông D nhiều lần liên lạc với Phan Thế H thì H đưa ra nhiều lý do để ông D tin tưởng, tiếp tục chờ đợi: hồ sơ công việc đã xong, chỉ chờ ngày mai nhận quyết định đi làm; mức lương 22.000.000 đồng/tháng chưa kể các khoản phụ thêm… Sự việc kéo dài đến cuối năm 2016 thì ông D yêu cầu bị cáo hoàn trả lại tiền. Qua nhiều lần gặp, bị cáo hù dọa nếu ông D tố cáo thì sẽ bị bắt về tội đưa hối lộ, đồng thời bị cáo biết việc bà H1 có ghi hình tại buổi giao nhận tiền nên đe dọa sẽ cho người xử lý bà H1. Toàn bộ nội dung này được ông D ghi âm lại và cung cấp cho Cơ quan điều tra.

■ Lời khai của người tham gia tố tụng tại hồ sơ vụ án:

- Ông LTL và bà NTTH khai: năm 2013, Phan Thế H xin cho ông L vào học tại Học viện hàng không Việt Nam, do còn nợ một số môn nên ông chưa tốt nghiệp. Năm 2014-2015, ông L và bà H nhờ bị cáo xin cho ông L vào làm trong sân bay Tân Sơn Nhất, bị cáo có hứa qua Tết (khoảng đầu năm 2016) thì ông L sẽ được đi làm chính thức. Ông L tin tưởng Phan Thế H và một phần vì sĩ diện nên vợ chồng ông đã nhờ bị cáo trực tiếp nói với bố mẹ của bà H là bị cáo đã xin cho ông L vào làm việc trong sân bay để người nhà tin tưởng. Ông L nghĩ sắp được đi làm nên nếu bị cáo gặp ai nói đã xin việc cho ông L vào làm trong sân bay thì vợ chồng ông không có ý kiến. Cũng vì sĩ diện nên bà H thường khoe với bạn bè trong công ty là ông L đang làm trong sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, lương thưởng cao là nhờ bị cáo xin việc hết 500.000.000 đồng. Từ đó, ông D, bà Hiền làm việc chung công ty với bà H nhờ giúp xin cho ông D vào làm việc trong sân bay giống ông L.

- Ông Nguyễn Thanh T khai: ông T phụ việc cho Phan Thế H từ năm 2014, công việc chính là trông xe, photo giấy tờ, giao, nhận các tài liệu và chở bị cáo H đi công việc. Ông T biết bị cáo H nói với ông D quen biết nhiều với lãnh đạo

sân bay là không đúng sự thật, những lần bị cáo gặp ông D, bà Hiền, ông L, bà H thì ông T thường ngồi ở bàn ngoài nên việc bị cáo nói với mọi người ông T là con cháu lãnh đạo sân bay hay ông là người bảo lãnh cho ông D vào sân bay thì ông không biết. Số tiền 460.000.000 đồng ông D tạm ứng cho Phan Thế H, H trả nợ cho ông T 50.000.000 đồng. Ông T nghĩ khoản tiền này là ông D trích thưởng cho bị cáo nên bị cáo trả nợ, ông không biết mục đích H lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông D.

- Bị cáo Phan Thế H khai nhận sự việc như đã nêu và khẳng định do có mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền từ trước nên việc bị cáo viết biên nhận giao nhận tiền chỉ để cho ông D yên tâm, câu chữ bị cáo tự viết cũng nhằm để lách luật. Đối với hồ sơ xin việc đã nhận từ ông D thì bị cáo cất ở nhà, không tiến hành bất kỳ việc gì để xin việc cho ông D. Số tiền 460.000.000 đồng bị cáo sử dụng hết vào mục đích cá nhân (chuộc cầm thạch vàng bạc đá quý, trả nợ cho ông T và một số cá nhân khác…). Bị cáo cũng cho biết ông L, bà H và ông T không biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo.

■ Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp nhận nhiều đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phan Thế H (đơn của bà LTDH, ông LQH, ông TVL, ông LNL, ông TVQ, bà NTTH, bà NTTL, bà LTHN, ông TVV, bà NTT, ông NVĐ, bà NTTT, bà BTCL). Do thời gian điều tra vụ án đã hết thời hạn theo quy định pháp luật nên ngày 08/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 128-13 (BL 9) để tách hành vi của Phan Thế H nhận 144.500 USD xin việc cho 13 cá nhân vào làm việc tại bộ phận an ninh sân bay của sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (theo đơn tố cáo của ông NQS) và nhập những đơn tố cáo nêu trên vào chung vụ án mới để điều tra làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKS-P3 ngày 01/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phan Thế H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xin được xem xét mức hình phạt khoan hồng do bản thân hiện có bệnh tiểu đường, huyết áp cao.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo: từ 03 đến 04 năm tù và nhận định hiện một số vật chứng đã được tách để giải quyết trong một vụ án khác, riêng vật chứng còn lại là chứng cứ trực tiếp đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án. Ngoài ra, kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tang vật theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh và điều luật mà Cáo trạng truy tố nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhiều tình tiết giảm nhẹ (bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện; không có tiền án; chủ động yêu cầu gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại; hiện bị bệnh cao

huyết áp và tiểu đường, là những bệnh cần chăm sóc y tế thường xuyên), từ đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để bị cáo hưởng mức thấp nhất của mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án:

■ Từ lời khai nhận của bị cáo; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được … Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị cáo Phan Thế H có hành vi dùng thủ đoạn gia dối tự nhận mình có mối quan hệ với lãnh đạo sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, hứa hẹn sẽ lo xin việc làm cho ông Nguyễn Tiến D tại sân bay, làm ông D tin tưởng là thật nên giao số tiền 460.000.000 đồng cho bị cáo; sau khi nhận tiền bị cáo không nộp hồ sơ xin việc cho bị hại mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của Phan Thế H đã phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Do số tiền bị chiếm đoạt là 460.000.000 đồng, thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử phạt mức án nghiêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phan Thế H có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; chủ động tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin bãi nại và xác nhận đã nhận đủ số tiền 460.000.000 đồng (BL 192-193) nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

Với những tình tiết giảm nhẹ nêu trên, trên cơ sở mức hình phạt đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử cũng áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 trong việc quyết định hình phạt, cho bị cáo Phan Thế H được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, sớm hòa nhập cộng đồng.

[3] Đối với ông LTL, bà NTTH: ông L, bà H biết bị cáo nói dối là đã xin việc cho ông L vào làm trong sân bay nhưng do vợ chồng ông sĩ diện với mọi người, không giải thích cho ông D biết và ông bà cũng không biết mục đích của bị cáo là lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Nguyễn Thanh T: tuy ông T biết bị cáo nói dối là quen lãnh đạo sân bay nhưng ông không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo; khi bị cáo nói ông T là con cháu lãnh đạo sân bay và sẽ bảo lãnh cho bị hại, ông T cũng không biết. Do đó, Cơ quan điều tra xét thấy chưa đủ cơ sở để xử lý đối với ông T.

Đối với ông Trần Văn K: hồ sơ vụ án thể hiện việc Phan Thế H cho ông K mượn 1.500.000.000 đồng và một số quà biếu, trang sức và ông K đã hoàn trả đầy đủ tiền, quà biếu cho bị cáo vào ngày 15/8/2016; ông K không biết bị cáo dùng thủ đoạn gian dối là xin việc cho ông D để chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác định ông K là đồng phạm với Phan Thế H trong vụ án này.

Đối với việc ông Nguyễn Tiến D giao tiền cho Phan Thế H để xin việc, ông D nghĩ số tiền đưa cho bị cáo là để làm dịch vụ, không nhận thức được là đưa cho người có chức vụ quyền hạn để giải quyết xin việc; bên cạnh đó, ông D đã chủ động tố cáo hành vi của bị cáo nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự của ông D về tội "Đưa hối lộ".

Xét thấy các quan điểm trên được nêu tại Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 128-25/KLĐT-PC46 (Đ 8) ngày 12/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Cáo trạng số 57/CT-VKS-P3 ngày 01/02/2018 và tại Công văn số 498/VKS-P3 ngày 08/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại xác nhận đã nhận đủ số tiền 460.000.000 đồng do gia đình bị cáo bồi thường (BL 192-193), hiện không có yêu cầu nào khác về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Vật chứng của vụ án:

02 đĩa kí hiệu Maxell có nội dung ghi được sao chép vào máy tính để kiểm tra, dịch, mô tả nội dung và được niêm phong lại có chữ ký của Nguyễn Tiến D đề ngày 19/01/2017 (BL 93); 01 bộ hồ sơ xin việc của Nguyễn Tiến D và giấy tờ thu chi số tiền 460.000.000 đồng (BL 79-82): Đây là chứng cứ trực tiếp của vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Riêng đối với các vật chứng khác được thu giữ trong quá trình điều tra, tại mục II Kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 128-25/KLĐT-PC46 (Đ 8) ngày 12/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 498/VKS-P3 ngày 08/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu rõ việc Cơ quan điều tra đưa vào vật chứng, tài sản tạm giữ của vụ án mới tách theo Quyết định tách vụ án hình sự số 128-13 ngày 08/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và quan điểm bào chữa của Luật sư.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phan Thế H phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Phan Thế H: 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2017.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo giam; (1)
- Bị hại; (2)
- Người có QLNVLQ; (6)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (28) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kim Loan